

Đầu tư trực tiếp nước ngoài ở Hà Nội :

Luận văn ThS. Kinh tế: 60 31 01 /

Nguyễn Thị Ngọc Mai ; Nghd. : TS.

Vũ Thanh Sơn

MỞ ĐẦU

1.Sự cần thiết của đề tài

Hội nhập kinh tế khu vực và quốc tế ngày nay đã và đang tạo ra xu hướng nhất thể hóa các nền kinh tế trên thế giới. Sự kiện Việt Nam đã tổ chức thành công Hội nghị APEC và chính thức là thành viên thứ 150 của Tổ chức Thương mại thế giới (WTO) đã tạo thời cơ và thách thức cho Việt Nam nói chung và Thành phố Hà Nội nói riêng trong việc phát triển kinh tế-xã hội. Trong đó, nguồn vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài đóng vai trò quan trọng, tạo nguồn lực bổ sung về vốn, công nghệ, thị trường, kinh nghiệm quản lý và lao động trình độ cao với phong cách công nghiệp, góp phần tạo việc làm, nâng cao trình độ phát triển nhiều mặt của đất nước nói chung và của Thành Phố Hà Nội nói riêng.

Kể từ khi Hà Nội mở rộng địa giới hoạt động thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài của Thành phố có nhiều vấn đề cần xem xét một cách toàn diện. Hà Nội mới bao gồm Hà Nội cũ, toàn bộ tỉnh Hà Tây, huyện Mê Linh (Vĩnh Phúc) và 4 xã của huyện Lương Sơn Hòa Bình với những đặc thù riêng của từng địa phương về tự nhiên, dân số, các vấn đề xã hội-kinh tế khác nhau, tạo nên sự đa dạng phong phú về nguồn lực đồng thời là sự công kênh hơn của bộ máy quản lý nhà

nước đòi hỏi Hà Nội nhìn nhận lại những thành tựu và hạn chế trong hoạt động thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài của mình để đưa ra giải pháp tăng cường thu hút nguồn vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài vào Thành phố.

Bên cạnh đó, khủng hoảng kinh tế toàn cầu năm 2008 đã ảnh hưởng không chỉ đối với các nước phát triển mà với hầu hết các quốc gia trên thế giới, làm giảm đáng kể nguồn vốn di chuyển giữa nước. Để đẩy mạnh việc thu hút nguồn vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài vào Hà Nội trong thời kỳ khủng hoảng này, đòi hỏi những chính sách, biện pháp phù hợp để thúc đẩy nền kinh tế phát triển.

Trong bối cảnh mở rộng địa giới và thế giới trải qua cuộc khủng hoảng kinh tế toàn cầu hiện nay, tác giả chọn đề tài: *“Đầu tư trực tiếp nước ngoài ở Hà Nội”* để tìm ra được những nhân tố ảnh hưởng đến đầu tư trực tiếp nước ngoài; những điểm mạnh, điểm yếu của đầu tư trực tiếp nước ngoài ở Hà Nội và đưa ra được phương hướng khắc phục được những điểm yếu đó thúc đẩy sự phát triển kinh tế xã hội của cả nước nói chung cũng như của Hà Nội nói riêng.

2. Tình hình nghiên cứu

Đầu tư trực tiếp nước ngoài là một trong những vấn đề được nhiều nhà kinh tế quan tâm và nghiên cứu. Cùng với sự hiện diện của hoạt động đầu tư trực tiếp nước ngoài tại Việt Nam từ năm 1986, các nghiên cứu trong lĩnh vực đầu tư nước ngoài rất phong phú và đa dạng được thực hiện bởi cơ quan quản lý nhà nước, các tổ chức nghiên cứu

trong nước và Tổ chức quốc tế cũng như nghiên cứu khoa học của các cá nhân.

* Các công trình nghiên cứu chung về khái niệm, hình thức, vai trò và các nhân tố ảnh hưởng đến đầu tư trực tiếp nước ngoài, thực trạng đầu tư trực tiếp nước ngoài trên phạm vi thế giới và Việt Nam trong điều kiện hội nhập như:

- Trường Đại học kinh tế quốc dân (2005), *Đầu tư của các công ty xuyên quốc gia TNCs tại Việt Nam*, NXB Chính trị Quốc Gia.

- Nguyễn Quang Vinh (2007), *Thu hút nguồn vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài ở Việt Nam trong điều kiện hội nhập*, Luận văn Thạc sỹ, Đại học Kinh tế-Đại học Quốc gia Hà Nội.

- Nguyễn Trọng Xuân (2002): “*Đầu tư trực tiếp nước ngoài với công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam*”, NXB Khoa học xã hội.

- Đỗ Hoàng Long (2008), *Tác động của toàn cầu hóa đối với dòng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài vào Việt Nam*, Luận án tiến sĩ Kinh tế, trường Đại học Kinh tế quốc dân, Hà Nội.

- Nguyen Xuan Thang (2008), *Some trends of World Development and Their Impact on Viet Nam's Vision of Developpment*, Vietnam Economics Reviews, 66, pp 3-8.

- Nguyen Trong Xuan (2008), *Situation of FDI projects and Industrial Zone in Vietnam*, Vietnam Economics Reviews, 66, pp 38-44.

Các tác phẩm trên đề cập đến:

+ Lịch sử, cơ sở lý luận hình thành hoạt động đầu tư nước ngoài trên quy mô toàn Thế Giới.

+ Đánh giá hiệu quả nguồn vốn đầu tư nước ngoài ở Việt Nam trong những năm qua.

+ Vai trò, ý nghĩa của Đầu tư nước ngoài đối với quá trình tăng trưởng kinh tế của Việt Nam.

+ Xu hướng của sự phát triển về đầu tư trên thế giới và ảnh hưởng của nó tới Việt Nam.

*Thêm vào đó là những công trình nghiên cứu về đầu tư trực tiếp nước ngoài trên phạm vi địa phương, trong đó đã đưa được lý luận về đầu tư trực tiếp nước ngoài, đặc điểm đầu tư trực tiếp nước ngoài ở từng địa phương, phương hướng và giải pháp đẩy mạnh thu hút nguồn vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài vào địa phương đó. Các tác phẩm tiêu biểu như:

- TS. Trần Đăng Long (2002), *“Một số giải pháp hoàn thiện công tác quản lý nhà nước đối với hoạt động đầu tư trực tiếp nước ngoài tại Thành phố Hồ Chí Minh”*, NXB. Thành phố Hồ Chí Minh.

- Nguyễn Việt Thông (2006), *“Đầu tư trực tiếp nước ngoài tại Quảng Ninh”*, Luận văn Thạc sỹ, Đại học Kinh tế-Đại học Quốc gia Hà Nội.

* Ngoài ra, có các báo cáo về nguồn vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài tại Hà Nội như: Báo cáo số 08/BC-UBND: *“Tổng kết 20 năm (1987-2007) hoạt động đầu tư trực tiếp nước ngoài trên địa bàn Hà Nội”*, ngày 21/1/2008. Báo cáo này đề cập đến thực trạng đầu tư trực tiếp nước ngoài trên địa bàn Hà Nội qua 20 năm và đưa ra được những

ưu điểm và hạn chế về đầu tư trực tiếp nước ngoài tại Hà Nội trong thời gian đó.

Nhìn chung các tác phẩm trên đã tập trung nghiên cứu những yếu tố ảnh hưởng hay liên quan đến hoạt động đầu tư và phần nhiều đứng trên bình diện cả nước Việt Nam, hoặc một số tỉnh thành đi đầu trong hoạt động thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài như Thành phố Hồ Chí Minh, Bình Dương... Tuy nhiên, các tác phẩm chưa nghiên cứu về đầu tư trực tiếp nước ngoài của Hà Nội trong giai đoạn từ năm 2008 đến nay, đây là thời gian có sự đổi mới về quản lý nhà nước ở Hà Nội và khủng hoảng kinh tế toàn cầu ảnh hưởng đến các quốc gia trong đó có Việt nam. Do đó, tác giả thiết nghĩ việc nghiên cứu một cách có hệ thống và phân tích các nhân tố tác động đến hoạt động đầu tư trực tiếp nước ngoài tại Hà Nội là hết sức cần thiết và cần tiếp tục để đưa ra những kiến nghị để đẩy mạnh thu hút nguồn vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài vào Hà Nội nhất là trong bối cảnh Hà Nội mở rộng địa giới và khủng hoảng kinh tế toàn cầu hiện nay.

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu của đề tài

*** Mục đích nghiên cứu của đề tài**

Làm rõ bức tranh về thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài tại Hà Nội trong giai đoạn 2005-2009, qua đó đề xuất giải pháp đẩy mạnh thu hút nguồn vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài vào Hà Nội.

*** Nhiệm vụ nghiên cứu của đề tài**

- Hệ thống hóa những vấn đề lý luận có liên quan đến đầu tư trực tiếp nước ngoài.

- Nghiên cứu, phân tích, đánh giá các nhân tố ảnh hưởng đến đầu tư trực tiếp nước ngoài ở Hà Nội và thực trạng đầu tư trực tiếp nước ngoài ở Hà Nội để rút ra những vấn đề còn tồn tại cần khắc phục.

- Đề ra giải pháp để đẩy mạnh thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài tại Hà Nội.

4. Phạm vi nghiên cứu của đề tài

* Về nội dung: Luận văn tập trung chủ yếu vào nghiên cứu hoạt động thu hút nguồn vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài trên địa bàn Thành phố Hà Nội và đóng góp của đầu tư trực tiếp nước ngoài tới phát triển kinh tế - xã hội trong giai đoạn 2005-2009.

* Về không gian: Những vấn đề nghiên cứu được giới hạn trên địa bàn Hà Nội, bao gồm địa giới cũ, Hà Tây cũ, huyện Mê Linh và bốn huyện Lương Sơn Hòa Bình.

- Thời gian: Nội dung nghiên cứu được giới hạn từ 2005 đến 2009 và những năm tiếp theo sau này (Năm 2005 có Luật Đầu tư thay thế cho luật Đầu tư nước ngoài và Luật Khuyến khích đầu tư trong nước).

5. Phương pháp nghiên cứu

Luận văn sử dụng các phương pháp lý luận chủ yếu sau: Duy vật biện chứng; Phương pháp so sánh, thống kê, phân tích tổng hợp

6. Những đóng góp của luận văn

- Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến đầu tư trực tiếp nước ngoài ở Hà Nội và tác động của hội nhập kinh tế quốc tế (đặc biệt tác động của lạm phát và suy thoái kinh tế thế giới) tới đầu tư trực tiếp nước ngoài ở Hà Nội.

- Đánh giá ưu điểm và nhược điểm trong việc thu hút nguồn vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài ở Hà Nội.

- Đề ra quan điểm, định hướng và giải pháp tiếp tục đẩy mạnh thu hút nguồn vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài cho Hà Nội.

7. Kết cấu của luận văn

Ngoài phần mở đầu, kết luận, danh mục các tài liệu tham khảo, nội dung luận văn bao gồm ba chương:

- Chương 1: LÝ LUẬN CHUNG VỀ ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI.

- Chương 2: THỰC TRẠNG ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI TẠI HÀ NỘI.

- Chương 3: GIẢI PHÁP THU HÚT VỐN ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI VÀO HÀ NỘI TRONG THỜI GIAN TỚI

CHƯƠNG 1

LÝ LUẬN CHUNG VỀ ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI

1.1. Tiếp cận về đầu tư trực tiếp nước ngoài

1.1.1. Khái niệm

Có nhiều khái niệm về đầu tư trực tiếp nước ngoài:

Dưới góc độ kinh tế chính trị Mác-Lênin, đầu tư trực tiếp nước ngoài là một trong các hình thức xuất khẩu tư bản. Xuất khẩu tư bản là xuất khẩu giá trị ra nước ngoài nhằm thu giá trị thặng dư và các nguồn lợi khác từ nước nhập khẩu tư bản.

Theo quỹ tiền tệ quốc tế IMF, đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) xảy ra khi một nhà đầu tư từ một nước (nước chủ đầu tư) có được một tài sản ở nước khác để phân biệt đầu tư trực tiếp nước ngoài với các công cụ tài chính khác. Trong phần lớn trường hợp, cả nhà đầu tư lẫn tài sản mà người đó quản lý ở nước ngoài là các cơ sở kinh doanh. Trong những trường hợp đó, nhà đầu tư thường gọi là “công ty mẹ” và các tài sản được gọi là “công ty con” hay “chi nhánh công ty”.

Theo Luật Đầu tư 2005 của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đầu tư trực tiếp nước ngoài được định nghĩa như sau: “Đầu tư trực tiếp nước ngoài là hình thức đầu tư do nhà đầu tư bỏ vốn đầu tư và tham gia quản lý hoạt động đầu tư”.

Tóm lại, có thể hiểu một cách khái quát về đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) như sau: *“Đầu tư trực tiếp nước ngoài là hình thức đầu tư quốc tế mà chủ đầu tư bỏ vốn để xây dựng hoặc mua phần lớn, thậm chí toàn bộ các cơ sở kinh doanh ở nước ngoài để trở thành chủ sở hữu toàn bộ hoặc từng phần cơ sở đó và trực tiếp quản lý, điều hành và chịu trách nhiệm về hoạt động của đối tượng mà họ bỏ vốn đầu tư. Đồng thời, họ cũng chịu trách nhiệm theo mức sở hữu về kết quả sản xuất kinh doanh của dự án”*.

1.1.2. Đặc điểm

- Tỷ lệ vốn của các nhà đầu tư nước ngoài trong vốn pháp định đạt mức tối thiểu theo luật đầu tư của từng quốc gia quy định; Đầu tư trực tiếp nước ngoài thường được thực hiện thông qua các phương thức: Xây dựng mới, mua lại toàn bộ hay từng phần của một cơ sở đang hoạt động, mua cổ phiếu của các công ty cổ phần để thao túng hoặc sát nhập các doanh nghiệp với nhau; Các nhà đầu tư nước ngoài

trực tiếp quản lý và điều hành dự án mà họ bỏ vốn đầu tư; Đầu tư trực tiếp nước ngoài không chỉ đưa vốn vào nước tiếp nhận mà có thể cả bí quyết kỹ thuật, công nghệ và kinh nghiệm quản lý hiện đại, tạo ra năng lực sản xuất mới và mở rộng thị trường cho cả nước tiếp nhận đầu tư và nước đi đầu tư.

1.1.3. Các hình thức đầu tư trực tiếp nước ngoài

- Hợp tác kinh doanh trên cơ sở hợp đồng kinh doanh.
- Doanh nghiệp liên doanh.
- Doanh nghiệp 100% vốn đầu tư nước ngoài.
- Hợp đồng xây dựng – kinh doanh – chuyển giao (BOT), hợp đồng xây dựng – chuyển giao – kinh doanh (BTO), hợp đồng xây dựng – chuyển giao (BT)...

1.2. Vai trò của đầu tư trực tiếp nước ngoài đối với phát triển kinh tế

1.2.1. Đối với nước đầu tư

* *Tác động tích cực:* Chủ đầu tư có khả năng kiểm soát hoạt động sử dụng vốn đầu tư và đưa ra những quyết định có lợi nhất cho họ; mở rộng thị trường tiêu thụ, giảm giá thành sản phẩm, nâng cao cạnh tranh trên thị trường thế giới; Tránh được hàng rào bảo hộ mậu dịch và chiếm lĩnh thị trường.

* *Tác động tiêu cực:* Có thể xảy ra tình trạng chảy máu chất xám và chủ đầu tư có thể gặp rủi ro cao nếu không hiểu rõ môi trường đầu tư của nước sở tại.

1.2.2. Đối với nước nhận đầu tư

** Tác động tích cực:* Tạo điều kiện tiếp thu kỹ thuật và công nghệ hiện đại, kinh nghiệm quản lý, tác phong làm việc tiên tiến của bên nước ngoài; khai thác tốt nhất các lợi thế của mình về tài nguyên thiên nhiên, về vị trí địa lý...; thúc đẩy sự tăng trưởng kinh tế trong nước; Tạo thêm việc làm, giúp nâng cao tay nghề lao động; thúc đẩy quá trình hội nhập quốc tế của các nước.

** Tác động tiêu cực:* Nước sở tại khó chủ động trong việc bố trí cơ cấu đầu tư theo ngành và theo vùng lãnh thổ; Nếu không thẩm định kỹ sẽ dẫn đến sự du nhập của các loại công nghệ lạc hậu, công nghệ gây ô nhiễm môi trường với giá đắt, làm thiệt hại lợi ích kinh tế của nước sở tại; Làm tăng chênh lệch về thu nhập, làm gia tăng sự phân hóa trong tầng lớp nhân dân, tăng mức độ chênh lệch phát triển trong một vùng hoặc giữa các vùng....

1.3. Các nhân tố ảnh hưởng đến thu hút nguồn vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài

- Điều kiện tự nhiên
- Tình hình phát triển kinh tế thế giới và quốc gia
- Hệ thống cơ sở hạ tầng
- Sự ổn định an ninh, chính trị quốc gia
- Môi trường hành chính – pháp luật
- Môi trường văn hóa-xã hội
- Trình độ của lực lượng lao động
- Khoa học công nghệ

1.4. Kinh nghiệm của một số địa phương trong việc thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài

1.4.1. Kinh nghiệm của thành phố Hồ Chí Minh

Về quy hoạch: Thành phố Hồ Chí Minh công bố rộng rãi quy hoạch, đẩy nhanh tiến độ xây dựng và phê duyệt các quy hoạch còn thiếu.

Về chính sách: Ban hành các văn bản hướng dẫn các nhà đầu tư nước ngoài và doanh nghiệp về lộ trình cam kết mở cửa đầu tư nước ngoài làm cơ sở xem xét cấp phép đầu tư. Nghiên cứu, ban hành các giải pháp cụ thể để thu hút đầu tư nước ngoài cho các lĩnh vực ưu tiên như giáo dục – đào tạo, y tế, quy hoạch đô thị; ban hành văn bản hướng dẫn nhằm tăng cường công tác phối hợp đồng bộ các chính sách đất đai-đầu tư - tài chính -tín dụng để khuyến khích đầu tư nước ngoài. Theo dõi, giám sát việc thi hành pháp luật về đầu tư và doanh nghiệp để kịp thời phát hiện và xử lý các vướng mắc phát sinh.

Về xúc tiến đầu tư: Thành phố Hồ Chí Minh đã nghiên cứu, bổ sung chính sách khuyến khích đầu tư, ban hành quy chế phối hợp giữa các cơ quan xúc tiến đầu tư, thương mại và du lịch tại thành phố; chủ động tiếp cận và hỗ trợ các nhà đầu tư có tiềm năng có nhu cầu đầu tư vào thành phố.

1.4.2. Kinh nghiệm của tỉnh Bình Dương

- Cải cách thủ tục hành chính; Nâng cao trình độ lao động; thực hiện các chính sách ưu đãi đầu tư; đối với các dự án đầu tư vào lĩnh vực giao thông, các khu công nghiệp tập trung, các nhà đầu tư nhất là trên các lĩnh vực điện tử, chế biến nông sản phẩm xuất khẩu với công nghệ kỹ thuật tiên tiến sẽ được khuyến khích với giá cho thuê đất giảm hơn khung giá bình quân.

1.4.3. Các bài học rút ra cho Hà Nội trong thu hút nguồn vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài

- Mở cửa thu hút nguồn vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài.
- Tạo môi trường đầu tư hấp dẫn để thu hút FDI.

CHƯƠNG 2

THỰC TRẠNG ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI TẠI HÀ NỘI

2.1. Những đặc điểm tự nhiên, kinh tế xã hội của Hà Nội ảnh hưởng đến thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài

2.1.1. Điều kiện tự nhiên

Xét vị trí tự nhiên của mình, Hà Nội là trung tâm liên kết vùng ở Đồng bằng Bắc bộ. Hà Nội như nơi giao thoa đồng bằng với miền núi, nơi trung chuyển nguồn lực giữa các vùng phát triển cao với vùng phát triển thấp trong vùng kinh tế phía bắc Việt Nam.

Xét ở địa chính trị, Hà Nội là trung tâm chiến lược của cả nước nên được chính phủ tạo điều kiện cho phát triển. Hà Nội trở thành trung tâm thu hút các vùng vệ tinh xung quanh theo quỹ đạo phát triển chiến lược của cả nước.

2.1.2. Tình hình kinh tế

Bảng 1: Tốc độ tăng trưởng GDP của Hà Nội qua các năm

Đơn vị tính: %

Chỉ tiêu	2005	2006	2007	2008	2009
Tốc độ tăng trưởng GDP	11,1	11,5	12,2	10,6	6,7

2.1.3. Kết cấu hạ tầng

Từ Hà Nội đi các thành phố, thị xã của Bắc Bộ cũng như của cả nước rất dễ dàng bằng cả đường ô tô, sắt, thủy và hàng không. Hà Nội là đầu mối giao thông của 5 tuyến đường sắt trong nước. Hệ thống cơ sở hạ tầng của Hà Nội được các doanh nghiệp đánh giá là tốt, đứng thứ 6/63 trong tổng số các tỉnh, thành phố trên cả nước.

2.1.3. Môi trường hành chính-pháp luật

* Về hành chính: Chỉ số PCI của Hà Nội năm 2008 đứng thứ 31/64 trong tổng số 64 tỉnh thành được đánh giá. Năm 2009, sau khi mở rộng địa giới, Hà Nội đứng thứ 33/63 trong tổng số 63 tỉnh thành trên cả nước.

Chỉ số chi phí gia nhập thị trường: năm 2009 xếp hạng 32/64 tăng 9 bậc so với năm 2008.

Chỉ số tiếp cận đất đai và sự ổn định trong sử dụng đất: năm 2009 xếp hạng 57/63, tăng 7 bậc so với năm 2008.

Chỉ số tính minh bạch và tiếp cận thông tin, năm 2009 Hà Nội đứng ở vị trí 23/64 (cùng vị trí xếp hạng so với năm 2008).

Chỉ số chi phí thời gian để thực hiện các quy định của nhà nước Hà Nội đứng ở vị trí 49/63 vào năm 2009, tụt 15 bậc so với năm 2008.

Chỉ số chi phí không chính thức, xếp vị trí 49/63, tụt 1 bậc so với năm 2008.

Chỉ số tính năng động, năm 2009 xếp hạng ở vị trí 47/63 tụt 1 bậc so với năm 2008 (năm 2008 là 46/64).

Chỉ số hỗ trợ doanh nghiệp xếp hạng năm 2009 là 2/63.

Chỉ số đào tạo lao động, xếp thứ 9/63 tỉnh, thành phố tăng 14 bậc so với năm 2008 (năm 2008 là 23/63).

Chỉ số thiết chế pháp lý, Hà Nội xếp hạng 38/63 tỉnh, thành tăng 12 bậc so với năm 2008 (năm 2008 là 60/63).

Chỉ số cơ sở hạ tầng của Hà Nội được đánh giá khá cao, xếp vị trí 6/63 trong tổng số 63 tỉnh thành trong cả nước.

*Về pháp luật: môi trường pháp lý hiện hành cho các hoạt động kinh doanh nói chung và đầu tư trực tiếp nước ngoài nói riêng ở Việt Nam chưa hoàn thiện.

2.1.4. Về lao động

Dân số Hà Nội năm 2009 là 6.448,8 nghìn người (đứng thứ hai toàn quốc), trong đó dân số trong độ tuổi lao động là 4.079 nghìn người. Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên của Thành phố Hà Nội có xu hướng tăng lên từ 11,69‰ năm 2000 lên 11,75‰ năm 2005 và đạt 12,46‰ năm 2008 và khoảng 12,67‰ năm 2009.

2.1.5. Môi trường văn hóa – xã hội

Hà Nội là địa bàn tập trung nhiều giá trị văn hóa vật thể và phi vật thể đặc sắc của cả nước, là điều kiện thuận lợi để phát triển các ngành dịch vụ, du lịch. Thành phố có 465 trường đạt chuẩn quốc gia, đạt tỷ lệ 20,9%; đào tạo nghề trên địa bàn được mở rộng, tỷ lệ lao động qua đào tạo năm 2008 đạt 45% trong đó lao động qua đào tạo nghề đạt 23%).

2.1.6. Về an ninh, chính trị

Chính trị ở Hà Nội rất ổn định, an ninh tốt.

2.1.7. Khoa học – công nghệ

Với vị thế của Thủ đô là nơi tập trung đông nhất các nhà khoa học đầu ngành đang công tác tại hơn 80 trường Đại học – Cao đẳng, 113 cơ quan nghiên cứu khoa học.

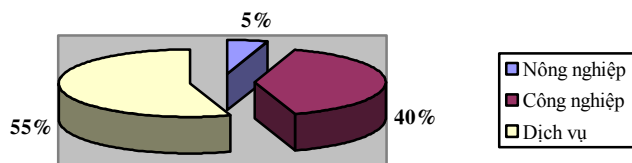
2.2. Thực trạng thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài tại Hà Nội

2.2.1. Tình hình cấp giấy phép các dự án đầu tư trực tiếp nước ngoài

Giai đoạn 2005-2009 Hà Nội thu hút được 2468 dự án với tổng vốn đầu tư đăng ký là 31.246.332.374USD. Tính trung bình mỗi năm có 493 dự án được cấp phép với số vốn đăng ký bình quân là 6.249.000.000USD.

2.2.2. Cơ cấu ngành của các dự án đầu tư

Hình 3: Tỷ trọng số dự án phân theo ngành



2.2.3. Các hình thức đầu tư trực tiếp nước ngoài tại Hà Nội

Hình thức 100% vốn đầu tư nước ngoài chiếm khoảng 67% về số dự án, song số vốn chỉ chiếm khoảng 50%. Hình thức liên doanh chỉ chiếm khoảng 31% số dự án nhưng chiếm đến 47% số vốn.

HĐHTKD cũng vậy, số dự án chỉ chiếm khoảng 2% mà số vốn xấp xỉ 3%.

2.2.4. Cơ cấu đối tác đầu tư

Cho đến cuối tháng 11 năm 2009 đã có 37 quốc gia và vùng lãnh thổ đầu tư vào Thành phố Hà Nội, trong đó xuất hiện ngày càng nhiều công ty, tập đoàn có năng lực cạnh tranh về tài chính và công nghệ như: Hàn Quốc, Singapore, Nhật Bản.

2.3. Đóng góp đầu tư trực tiếp nước ngoài ở Hà Nội

2.3.1. Đóng góp của FDI vào tăng trưởng kinh tế

Trong giai đoạn 2005 – 2009 các dự án đầu tư nước ngoài đã đóng góp cho ngân sách Thành phố 2.691 tỷ đồng và tổng sản phẩm trong nước (GDP) Thành phố Hà Nội tăng bình là 9,08%/năm và đóng góp vào tổng vốn đầu tư phát triển của Thủ đô.

2.3.2. Đóng góp của FDI vào phát triển lực lượng sản xuất

Trình độ công nghệ, mức độ tiên tiến thiết bị của các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài cao hơn hẳn các doanh nghiệp trong nước, đặc biệt về các công nghệ hiện đại, đồng thời lại không có công nghệ lạc hậu, trong khi tỷ lệ công nghệ lạc hậu trong các doanh nghiệp Việt Nam nói chung lên đến 52%.

2.3.3. Đóng góp FDI vào tạo việc làm cho người lao động

Tính đến cuối năm 2005 các dự án đầu tư nước ngoài ở Hà Nội đã thu hút được khoảng 62.000 lao động, đến cuối năm 2006 con số này là 78.000 lao động, sang đến năm 2007 số lao động đã tăng lên đến khoảng 90.000 lao động, năm 2008 là 87.000 lao động và năm 2009 giảm xuống 79.000 lao động.

2.3.4. Tác động của FDI vào hội nhập quốc tế của Hà Nội

Tốc độ tăng giá trị xuất khẩu khu vực có vốn đầu tư nước ngoài giai đoạn 2001-2005 ước đạt bình quân 49%/năm, cao hơn so với bình quân tăng xuất khẩu chung toàn Thành phố là 17%/năm và cao hơn giai đoạn 5 năm trước 1996-2000 chỉ là 9%/năm.

2.4. Những hạn chế trong thu hút FDI và nguyên nhân của hạn chế

Tỷ trọng vốn ĐTNN thực hiện so với tổng vốn ĐTNN đăng ký đạt thấp; Với vị trí là trung tâm của Vùng kinh tế trọng điểm phía bắc, Hà Nội chưa thu hút được những dự án lớn. Sự tồn tại của những yếu kém này trong thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài là do: ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng tài chính Mỹ; các nhân tố của quá trình sản xuất trên địa bàn Hà Nội còn có giá tương đối cao, gây khó khăn cho quá trình tái sản xuất mở rộng đối với nhà đầu tư nước ngoài; các cơ chế, chính sách, điều kiện cần thiết của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa chưa hoàn chỉnh, chưa đồng bộ còn nhiều khiếm khuyết; còn nhiều bất cập về thủ tục hành chính.

CHƯƠNG 3

GIẢI PHÁP THU HÚT ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI

VÀO HÀ NỘI TRONG THỜI GIAN TỚI

3.1. Bối cảnh mới ảnh hưởng đến thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài của Hà Nội

3.1.1. Bối cảnh quốc tế

- Các công ty xuyên quốc gia (TNC) lớn đã có những dự định giảm chi phí FDI của họ trong năm 2009, sẽ chỉ bắt đầu đầu tư lại vào

năm 2010 và tăng mạnh vào năm 2011. Việt Nam là quốc gia đứng thứ 10 về mức độ hấp dẫn thu hút FDI trên thế giới.

3.1.2. Bối cảnh trong nước

- Chịu ảnh hưởng cuộc khủng hoảng tài chính Mỹ, Việt Nam vẫn duy trì được tốc độ tăng trưởng dương, năm 2009 chỉ số giá tiêu dùng (CPI) cả nước tăng 4,49% so với tháng 12/2008.

Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội cả nước thời kỳ 2011-2020 (dự thảo) dự kiến tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm trong nước (GDP) bình quân giai đoạn 2011-2020 khoảng 7,5-8,0%/năm.

Quy hoạch phát triển kinh tế xã hội xác định xây dựng vùng đồng bằng sông Hồng và vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ (Thủ đô Hà Nội có vị thế cao nhất) trở thành đầu tàu phát triển kinh tế.

3.2. Các chủ trương trong phát triển kinh tế - xã hội và thu hút nguồn vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài tại Hà Nội

Kinh tế tăng trưởng với tốc độ tăng trưởng cao, bền vững. Tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm trong nước (GDP) bình quân hằng năm 9-10%/năm thời kỳ 2011-2020 và 8,0-9,0% thời kỳ 2021-2030. Nâng chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh của Hà Nội lên thứ 3-5 vào năm 2020 và duy trì vị trí thứ 1-2 trong suốt kỳ 2011-2030.

Tiếp tục cải thiện môi trường đầu tư, tạo lập những điều kiện thuận lợi để thu hút mạnh các nguồn vốn quốc tế. Thu hút các nhà đầu tư lớn, có công nghệ cao, công nghệ nguồn. Mở rộng và đa dạng thị trường xuất nhập khẩu.

3.3. Giải pháp đẩy mạnh thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài tại Hà Nội trong thời gian tới

3.3.1. Giải pháp hoàn thiện chính sách thu hút FDI

a, Chính sách tài chính: áp dụng hệ thống giá cả đối với các nhà đầu tư nước ngoài và các doanh nghiệp trong nước thống nhất theo cơ chế “một giá” như giá điện, nước, vận tải, bưu điện,... Cho phép bên Việt Nam trong các dự án có vốn đầu tư nước ngoài được bảo lãnh để vay vốn góp vào dự án liên doanh hoặc được liên kết để tăng khả năng tài chính. Đổi mới chế độ quy định cho doanh nghiệp lập các báo cáo thuế, báo cáo tài chính theo hướng minh bạch, đơn giản, tiết kiệm thời gian và chi phí của doanh nghiệp.

b, Chính sách đất đai: tiếp tục hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến đất đai phục vụ cho các dự án có vốn đầu tư nước ngoài, đặc biệt là việc tiếp tục ban hành các văn bản dưới Luật cụ thể hóa ba quyền của nhà đầu tư nước ngoài tại Việt Nam về đất đai là quyền chuyển nhượng, quyền cho thuê và quyền thế chấp; Tạo chuyển biến mạnh trong giải quyết thủ tục hành chính liên quan đến lĩnh vực đất đai, loại bỏ những thủ tục rườm rà, trùng lặp, không cần thiết.

c, Chính sách lao động: Hoàn thiện quy hoạch mạng lưới hệ thống trường dạy nghề trên địa bàn; Hoàn thiện các loại văn bản quy định áp dụng đối với người lao động trong các dự án có vốn đầu tư nước ngoài; Phát huy vai trò của tổ chức công đoàn trong doanh nghiệp, của cơ quan thanh tra lao động trong việc kiểm tra giám sát việc thực hiện chính sách lao động và tiền lương của các dự án đầu tư nước ngoài, đồng thời sửa đổi các chính sách về lao động và tiền lương cho thích hợp.

d, Chính sách thị trường: Định hướng thị trường đầu vào cần chú trọng các loại máy móc, thiết bị công nghệ được đưa vào đầu tư với thể hệ mới, hiện đại, không gây ô nhiễm môi trường; đối với thị trường “đầu ra” cần chú trọng đến hoạt động tiêu thụ sản phẩm cả ở thị trường trong nước và thị trường nước ngoài; định hướng tiêu thụ sản phẩm theo khuôn khổ pháp lý thích hợp để tránh tình trạng cạnh tranh về giá cả dẫn đến việc bán phá giá, bán hàng kém chất lượng ra thị trường.

e, Chính sách khoa học và công nghệ: xây dựng một chính sách thu hút công nghệ hữu hiệu, chỉ ra được lộ trình dài hạn cho việc thu hút công nghệ nước ngoài với các biện pháp và công cụ khác nhau, đặc biệt là việc xây dựng các chính sách thu hút công nghệ hợp lý với điều kiện của Việt Nam.

3.3.2. Nâng cao hiệu quả các hoạt động xúc tiến thu hút FDI

Trung tâm xúc tiến đầu tư cần xây dựng mạng lưới hoạt động tại các quốc gia mục tiêu; tạo ra được một hình ảnh Hà Nội thật ấn tượng, một điểm đến lý tưởng cho các nhà đầu tư. Tài liệu thông tin quảng cáo, được phát miễn phí, cần thu hút được sự chú ý cũng như khái quát thông tin; các Sở, Ban, Ngành cần chủ động tiến hành vận động, xúc tiến đầu tư một cách cụ thể, trực tiếp đối với từng dự án, trực tiếp với từng tập đoàn, công ty và nhà đầu tư có tiềm năng.

3.3.3. Nâng cao và hoàn thiện cơ sở vật chất – kỹ thuật phục vụ thu hút FDI

Trước mắt cần tập trung vào phát triển cơ sở hạ tầng kỹ thuật năm khu vực đô thị vệ tinh, tạo đòn bẩy tăng trưởng nhanh cho nền

kinh tế Thành phố và dân số sẽ bớt tập trung ở khu vực nội thành thủ đô; trên cơ sở quy hoạch hàng năm, Hà Nội cần bố trí lượng vốn nhất định giao cho Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì cùng các ngành có liên quan xây dựng các danh mục dự án kêu gọi đầu tư nước ngoài phù hợp với nhu cầu các nhà đầu tư, đồng thời dành một tỷ lệ đáng kể trong cân đối và bố trí vốn từ ngân sách tỉnh để tập trung đầu tư xây dựng và hoàn thiện các công trình ngoài hàng rào các khu công nghiệp.

3.3.4. Tiếp tục cải cách hành chính

Nâng cao hiệu lực, hiệu quả của bộ máy quản lý Nhà nước; tăng cường cải tiến thủ tục hành chính, giảm các thủ tục đối với doanh nghiệp và công dân; thực hiện tốt cơ chế một cửa và “một cửa liên thông” trong việc xem xét, tiếp nhận các dự án đầu tư, giao đất, cấp phép xây dựng và các công việc có liên quan khác; tiếp tục rà soát, không ngừng hoàn thiện, đơn giản hóa các thủ tục hành chính một cách toàn diện, triệt để theo hướng minh bạch, quy định rõ ràng thời gian nhận và xử lý hồ sơ, trách nhiệm của các cơ quan chức năng; kịp thời xử lý vướng mắc, tạo tâm lý yên tâm cho doanh nghiệp; tăng cường và đa dạng hóa hoạt động đối thoại công tư, đẩy mạnh việc công khai minh bạch hóa thông tin cho doanh nghiệp.

3.3.5. Tăng cường phối hợp nhịp nhàng giữa các cơ quan chức năng

Trọng tâm của công tác xây dựng cơ chế phối hợp chặt chẽ của các cơ quan chức năng là xây dựng chương trình kế hoạch hành động chung, bao gồm các bước đi cụ thể, các chính sách, hoạt động và lịch trình mà Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Công nghiệp, các Sở, Ban, ngành khác, các địa phương và các khu công nghiệp cần thực hiện để

thu hút khối lượng lớn vốn đầu tư cơ sở hạ tầng, thực hiện vận động thu hút đầu tư vào các ngành, lĩnh vực đã đưa ra trong quy hoạch.

3.3.6. Nâng cao trách nhiệm và trình độ của cán bộ trong công tác xúc tiến và thu hút FDI

Đầu tư phát triển hệ thống các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức đảm bảo có đủ năng lực đào tạo, bồi dưỡng thực hiện nhiệm vụ theo yêu cầu mới; đổi mới, cải cách phương pháp đào tạo, bồi dưỡng trong các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ và phù hợp với từng loại đối tượng khác nhau; Sửa đổi, bổ sung chế độ chính sách đảm bảo sự đồng bộ, thống nhất với đầu tư ngân sách, kinh phí đào tạo, bồi dưỡng. Tăng cường hợp tác quốc tế về công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ công chức.

KẾT LUẬN

Trong giai đoạn phát triển hiện nay, đối với cả nước nói chung và Thành phố Hà Nội nói riêng vấn đề thu hút đầu tư, đặc biệt là thu hút nguồn vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài rất quan trọng cho việc thúc đẩy sự tăng trưởng và phát triển kinh tế - xã hội, tạo sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động, đổi mới công nghệ, giải quyết việc làm....theo tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa nền kinh tế phù hợp với cơ chế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa có sự quản lý của Nhà nước và xu thế hội nhập kinh tế quốc tế.

Đối chiếu với mục đích đặt ra, luận văn đã giải quyết được vấn đề: Đề cập tới các nhân tố ảnh hưởng đến thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài tại Hà Nội đó là điều kiện tự nhiên; tình hình kinh tế của Hà Nội; kết cấu hạ tầng; môi trường hành chính – pháp luật; lao động;

môi trường văn hóa, xã hội; an ninh, chính trị; khoa học công nghệ. Luận văn đã đưa ra bức tranh tổng quan về thực trạng thu hút nguồn vốn FDI ở Hà Nội: tình hình cấp phép các dự án đầu tư nước ngoài, cơ cấu ngành các dự án đầu tư, các hình thức đầu tư, cơ cấu đối tác đầu tư. Thông qua việc phân tích và tìm hiểu hoạt động thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài của Thành phố Hà Nội trong giai đoạn (2005-2009), luận văn đã chỉ ra những đóng góp của đầu tư trực tiếp nước ngoài đối với sự phát triển kinh tế-xã hội của Thành phố. Bên cạnh những kết quả to lớn đã đạt được thì vấn đề thu hút đầu tư nước ngoài của Thành phố vẫn còn nhiều tồn tại và hạn chế, môi trường đầu tư của Hà Nội vẫn chưa thật sự hấp dẫn và ổn định. Tác giả đã đề cập tới sáu giải pháp nhằm tăng cường thu hút nguồn vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài vào Hà Nội trong thời gian tới.

Năm 2010 là năm nền kinh tế bước vào giai đoạn phục hồi sau cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu, nguồn vốn FDI bắt đầu tăng trở lại, nền kinh tế của Hà Nội sẽ tiếp tục tăng trưởng cao trên đà tích cực so với năm 2009, lợi thế và tiềm năng đặc thù của Thủ đô, trong vùng kinh tế trọng điểm của Bắc Bộ, sẽ được Đảng, Chính quyền nhân dân Hà Nội khai thác triệt có hiệu quả. Các điều kiện thuận lợi trên đang mở ra cho Hà Nội trong năm 2010 và những năm tiếp theo một triển vọng phát triển có tính bứt phá, trong đó khu vực FDI sẽ đóng góp một phần quan trọng cho sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của Thành phố.